

**CỤC THUẾ  
THUẾ TỈNH NINH BÌNH**

Số: 10311 /NBI-QLDN1  
V/v chính sách thuế TNCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 07 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH MCNEX VINA.

Mã số thuế: 2700667339.

Địa chỉ: Lô CN1 Khu Công Nghiệp Phúc Sơn, phường Nam Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Thuế tỉnh Ninh Bình nhận được công văn số 75/MC-CV.2016 ngày 24/7/2026 của Công ty TNHH MCNEX VINA (sau đây gọi là Công ty) về việc thuế TNCN. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau:

**1. Đối với nội dung tiền lương, tiền công làm thêm giờ**

Tại khoản 1,3 Điều 26, Mục I, Chương III Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định:

*“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép:*

*1. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động...*

....

*3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì phần vượt mức quy định tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân”.*

Tại Điều 107 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019 của Quốc hội quy định:

*“1. Thời gian làm thêm giờ là khoảng thời gian làm việc ngoài thời giờ làm việc bình thường theo quy định của pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy lao động.*

*2. Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm giờ khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau đây:*

*a) Phải được sự đồng ý của người lao động;*

*b) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày; trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày; không quá 40 giờ trong 01 tháng;*

*c) Bảo đảm số giờ làm thêm của người lao động không quá 200 giờ trong 01 năm, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.*

3. *Người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm không quá 300 giờ trong 01 năm trong một số ngành, nghề, công việc hoặc trường hợp sau đây:*

a) *Sản xuất, gia công xuất khẩu sản phẩm hàng dệt, may, da, giày, điện, điện tử, chế biến nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản;*

...

4. *Khi tổ chức làm thêm giờ theo quy định tại khoản 3 Điều này, người sử dụng lao động phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh....”*

Căn cứ các quy định nêu trên và theo trình bày của Công ty, trường hợp Công ty hoạt động trong lĩnh vực điện tử thì tổng số giờ làm thêm của người lao động không quá 300 giờ/năm. Phần tiền lương, tiền công trả cho thời gian làm thêm giờ chỉ được miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) nếu việc làm thêm đáp ứng đầy đủ điều kiện và giới hạn thời gian theo pháp luật lao động; phần không đáp ứng quy định phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. Cụ thể:

1.1. Trường hợp trong một tháng người lao động làm thêm vượt 40 giờ thì phần tiền lương, tiền công tương ứng với số giờ làm thêm vượt 40 giờ trong tháng không thuộc diện miễn thuế TNCN và phải tính vào thu nhập chịu thuế của tháng phát sinh.

1.2. Trường hợp người lao động chưa vượt 40 giờ làm thêm trong tháng nhưng tổng số giờ làm thêm lũy kế trong năm đã đạt giới hạn 300 giờ/năm theo trường hợp được phép áp dụng tại khoản 3 Điều 107 Bộ luật Lao động thì phần tiền lương, tiền công tương ứng với thời gian làm thêm vượt giới hạn đó không thuộc diện miễn thuế TNCN.

1.3. Trường hợp trong một tháng người lao động làm thêm vượt 40 giờ/tháng nhưng tổng số giờ làm thêm trong năm chưa vượt 300 giờ/năm thì phần tiền lương, tiền công tương ứng với số giờ vượt 40 giờ/tháng vẫn không thuộc diện miễn thuế TNCN.

1.4 Trường hợp cùng một thời điểm người lao động vừa vượt giới hạn 40 giờ/tháng vừa vượt giới hạn 300 giờ/năm thì xác định thu nhập chịu thuế theo thời gian làm thêm thực tế kể từ thời điểm không còn đáp ứng một trong các giới hạn theo quy định của pháp luật lao động.

## **2. Đối với tiền lương làm việc vào ban đêm**

Tại khoản 2,3, Điều 98 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định:

*“2. Người lao động làm việc vào ban đêm thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương thực trả theo công việc của ngày làm việc bình thường.*

*3. Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày của ngày làm việc bình thường hoặc của ngày nghỉ hằng tuần hoặc của ngày nghỉ lễ, tết....”*

Căn cứ các quy định nêu trên Thuế tỉnh Ninh Bình hướng dẫn theo nguyên tắc như sau: Khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm phù hợp với quy định của pháp luật lao động khi chi trả được miễn thuế TNCN; phần chi trả vượt mức quy định của pháp luật phải tính vào thu nhập chịu thuế. Theo đó, trường hợp Công ty trả tiền làm việc ban đêm cho người lao động bằng 35% tiền lương làm căn cứ tính theo quy định, thì phần tiền lương làm việc ban đêm tương ứng với mức 30% và được xác định theo Điều 56 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ thuộc diện miễn thuế TNCN; phần chi trả cao hơn mức quy định phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động.

### **3. Đối với khoản giảm trừ chi phí y tế, giáo dục - đào tạo**

Tại khoản 2, 3 Điều 49 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP quy định về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác:

*“2. Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế, bao gồm:*

*a) Các khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước thuộc phạm vi danh mục do bảo hiểm y tế chi trả tổng không quá 23 triệu đồng/năm;*

*b) Các khoản chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước tổng không quá 24 triệu đồng/năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục - đào tạo.*

*3. Các khoản chi phí mà người nộp thuế được giảm trừ quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:*

*a) Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; riêng đối với khoản chi cho y tế phải có thêm Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;*

*b) Hóa đơn, chứng từ để được giảm trừ phải thể hiện thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế;*

*c) Không được chi trả từ các nguồn khác, kể cả từ nguồn tài trợ, hỗ trợ, trả thay của tổ chức, cá nhân, nguồn ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm chi trả dưới các hình thức.”*

Tại khoản 1, Điều 50 Nghị định 253/2026/NĐ-CP về khấu trừ thuế quy định.

*“1. Trừ các đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, khi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế phải thực hiện khấu trừ thuế và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân căn cứ vào:*

*a) Thu nhập tính thuế tháng (đối với các khoản thu nhập do tổ chức, cá nhân chi trả, chi trả thay cho cá nhân);*

b) *Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 9 của Luật Thuế TNCN.*”

Tại khoản 3 Điều 51 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP quy định:

*“ 3. Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều 40 của Nghị định này hoặc có phát sinh các khoản giảm trừ quy định tại Điều 49 của Nghị định này mà người nộp thuế có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự quyết toán thuế.... ”*

Căn cứ các quy định trên, trường hợp người lao động có khoản chi y tế, giáo dục - đào tạo đáp ứng đầy đủ điều kiện tại Điều 49 và có đề nghị áp dụng khoản giảm trừ thì Công ty căn cứ hồ sơ, hóa đơn, chứng từ do người lao động cung cấp để xác định khoản giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế phục vụ việc khấu trừ thuế TNCN theo khoản 1, Điều 50 Nghị định số 253/2026/NĐ-CP (hạn mức giảm trừ được xác định theo năm, không phân bổ bình quân theo tháng). Người lao động có yêu cầu áp dụng các khoản giảm trừ tại Điều 49 phải tự thực hiện quyết toán thuế TNCN theo khoản 3 Điều 51 và không thuộc trường hợp ủy quyền cho Công ty quyết toán thay đổi với năm có yêu cầu giảm trừ.

Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế phát sinh tại đơn vị, đối chiếu với các quy định nêu trên để thực hiện. Trường hợp còn vướng mắc, đơn vị liên hệ với Phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 1 - Thuế tỉnh Ninh Bình theo địa chỉ: Số 215, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; số điện thoại: 02293.875.152 để được hỗ trợ.

Thuế tỉnh Ninh Bình thông báo để Công ty biết, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các phòng: NVDTPC, QLDN2, QLDN3;
- Website Thuế tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, QLDN1.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH  
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**



**Nguyễn Quang Hệ**